

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA
TRANG SEAFOODS – F17

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHA TRANG
SEAFOODS
- F17

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS -
F17
DN: C=VN, L=KHÁNH HÒA,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NHA
TRANG SEAFOODS - F17,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MS
T:4200567428,
E=NHATRANGSEAFOODS@NHAT
RANGSEAFOODS.VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023-03-30 09:49:40
Foxit Reader Version: 9.4.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	13 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 và thay đổi đến lần thứ mười ba ngày 16 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (trước đó là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (0258) 3 831 043

Fax : (0258) 3 831 034

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Thủy sản Seafoods	Số 71 Phan Bội Châu, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Ngô Anh Phương Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Ích	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022
		Miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2023
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2023
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2023
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Ông Ngô Tấn Hùng	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2023
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Ngô Tuấn Kiệt
Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2023



Số: 3.0137/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nguyễn Tiến Lộc**Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4304-2023-008-1

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		809.889.516.851	959.432.372.285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	141.593.818.838	240.971.475.625
1. Tiền	111		127.843.818.838	138.921.475.625
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.750.000.000	102.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41.200.000.000	36.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	41.200.000.000	36.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		355.191.442.598	440.433.226.678
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	218.438.276.509	358.267.053.061
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	65.004.676.859	32.339.138.953
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	73.665.409.469	51.743.954.903
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.916.920.239)	(1.916.920.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		197.838.011.624	204.004.003.924
1. Hàng tồn kho	141	V.7	197.838.011.624	204.004.003.924
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		74.066.243.791	37.823.666.058
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.622.961.258	1.821.867.465
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		62.119.647.455	34.548.628.815
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	9.323.635.078	1.453.169.778
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		793.660.300.781	765.855.729.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.740.718.503	10.730.852.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.740.718.503	10.730.852.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		309.627.264.775	284.078.082.829
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	296.323.241.900	270.544.732.289
- Nguyên giá	222		520.910.314.821	469.473.529.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224.587.072.921)	(198.928.797.052)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.304.022.875	13.533.350.540
- Nguyên giá	228		15.868.937.376	15.786.524.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.564.914.501)	(2.253.173.798)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		177.189.392.160	158.674.978.077
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	177.189.392.160	158.674.978.077
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		260.693.772.527	265.693.772.527
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	258.693.772.527	258.693.772.527
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2.000.000.000	7.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		35.409.152.816	46.678.044.492
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	35.409.152.816	46.674.673.883
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	-	3.370.609
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.603.549.817.632	1.725.288.102.213

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		906.817.729.049	957.364.962.038
I. Nợ ngắn hạn	310		772.817.729.049	933.364.962.038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	176.873.712.468	159.498.644.601
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.753.599.135	656.297.435
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	144.691.445	22.453.481
4. Phải trả người lao động	314	V.16	21.659.241.000	23.031.319.999
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	5.198.723.935	6.548.539.295
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	6.759.166.201	7.077.818.394
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	547.784.761.355	720.852.930.049
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	12.643.833.510	15.676.958.784
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		134.000.000.000	24.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	134.000.000.000	24.000.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		696.732.088.583	767.923.140.175
I. Vốn chủ sở hữu	410		696.732.088.583	767.923.140.175
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	188.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	19.893.058.029	21.640.623.518
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	448.721.844.461	501.264.621.375
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		482.478.159.232	501.264.621.375
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(33.756.314.771)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	40.117.186.093	46.017.895.282
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.603.549.817.632	1.725.288.102.213

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2023


Trần Thị Cẩm Vân
 Người lập biểu


Nguyễn Dân Tiến
 Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.598.717.104.805	2.568.189.922.617
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	35.014.201.557	4.379.561.115
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.563.702.903.248	2.563.810.361.502
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.421.518.291.714	2.303.989.838.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		142.184.611.534	259.820.522.952
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	68.359.731.409	42.724.012.994
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	84.837.750.476	58.612.001.593
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.673.012.170	19.192.513.725
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	119.274.223.890	121.174.910.742
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	45.029.085.367	68.510.549.293
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(38.596.716.790)	54.247.074.318
12. Thu nhập khác	31	VI.8	797.320.319	361.721.870
13. Chi phí khác	32	VI.9	1.854.911.832	910.458.795
14. Lợi nhuận khác	40		(1.057.591.513)	(548.736.925)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(39.654.308.303)	53.698.337.393
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	-	5.005.144.691
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	3.370.609	797.918.351
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(39.657.678.912)	47.895.274.351
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(33.756.314.771)	24.870.414.401
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(5.901.364.141)	23.024.859.950
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	(1.796)	720
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(1.796)	720

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2023


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập biểu
Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng
Ngô Tuấn Kiệt
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(39.654.308.303)	53.698.337.393
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	40.560.981.443	43.035.200.766
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(5.784.634.713)	9.991.045.322
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(3.586.880.044)	5.100.176.859
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	20.673.012.170	19.192.513.725
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.208.170.553	131.017.274.065
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		64.113.816.713	(516.496.628.971)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	6.165.992.300	(82.685.875.452)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		16.087.076.554	59.522.974.845
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	10.464.427.274	(5.483.747.676)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.428.605.869)	(19.286.678.740)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(10.256.369.402)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20, 21	(3.358.728.954)	(3.569.906.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		85.252.148.571	(447.238.957.631)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(102.046.104.622)	(104.814.651.596)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.617.090.068	81.818.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VIII.1a, b	-	93.027.629.490
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	3.202.857.907	2.859.309.680
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(97.226.156.647)	(1.845.894.244)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	28.000.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	1.640.536.992.806	2.589.776.899.070
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(1.696.922.987.647)	(2.196.836.401.824)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(30.871.180.580)	(33.863.769.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(87.257.175.421)	387.076.728.246
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(99.231.183.497)	(62.008.123.629)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	240.971.475.625	303.866.018.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(146.473.290)	(886.419.076)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	141.593.818.838	240.971.475.625

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2023

 Trần Thị Cẩm Vân Người lập biểu	 Nguyễn Dân Tiên Kế toán trưởng	 Ngô Tuấn Kiệt Giám đốc
--	---	--



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Doanh thu năm nay giảm mạnh so với năm trước do Tập đoàn thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89 thời điểm cuối năm trước. Ngoài ra, phí vận chuyển tăng mạnh so với năm trước nên kết quả kinh doanh năm nay lỗ.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

6b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thủy sản NT có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 66,53% (số đầu năm là 66,53%).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.707 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.699 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí mua vùng nuôi tôm, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí mua vùng nuôi tôm

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (45 năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại, hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.937.675.194	1.732.895.296
Tiền gửi ngân hàng	125.906.143.644	137.188.580.329
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	13.750.000.000	102.050.000.000
Cộng	141.593.818.838	240.971.475.625

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính có giá trị 136.639.624.815 VND (số đầu năm là 229.871.070.197 VND) được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱ⁾	157.749.943.186		157.749.943.186	
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ⁽ⁱⁱ⁾	64.483.757.251		64.483.757.251	
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.170.163.291		22.170.163.291	
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	13.984.598.799		13.984.598.799	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(v)	285.310.000	651.329.500	285.310.000	810.277.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000		20.000.000	
Cộng	258.693.772.527		258.693.772.527	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.
- (ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 5.440.000 cổ phiếu, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 5,16% vốn thực tế đã góp.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	43.660.859.252	26.730.633.190
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	38.835.292.803	17.150.772.946
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F.89	4.682.622.942	9.107.047.483
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	21.062.000	5.050.000
Công ty Cổ phần Onsen	53.410.513	390.335.864
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	31.830.084	36.999.715
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	23.890.910	23.836.364
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	12.750.000	-
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	-	16.590.818
Phải thu các khách hàng khác	174.777.417.257	331.536.419.871
Công ty NTSF Company, Inc	48.907.016.350	156.322.120.110
Công ty Seafood Connection B.V	26.789.057.543	29.504.567.956
Công ty LP Foods Pte, Ltd	9.605.165.074	47.567.960.328
Các khách hàng khác	89.476.178.290	98.141.771.477
Cộng	218.438.276.509	358.267.053.061

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng tại ngày kết thúc năm tài chính (số đầu năm là 282.258.218.537 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>36.565.544.138</i>	<i>11.566.111.153</i>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	34.369.264.138	11.562.151.153
Công ty Cổ phần Onsen	2.192.320.000	-
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	3.960.000	3.960.000
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	<i>28.439.132.721</i>	<i>20.773.027.800</i>
Công ty TNHH Điện lạnh Miền Tây	-	8.797.898.503
Công ty TNHH Anh Phát	10.529.318.000	524.350.530
Công ty Cổ phần Kỹ thuật và Công nghệ Trường Thịnh	7.058.593.642	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Điện Hưng Thịnh Phát	3.882.804.651	3.451.381.912
Các nhà cung cấp khác	6.968.416.428	7.999.396.855
Cộng	65.004.676.859	32.339.138.953

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.545.336.702</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 - Chiết khấu hàng xuất khẩu ủy thác	64.899.022	-	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	4.480.437.680	-	-	-
- <i>Chiết khấu hàng xuất khẩu ủy thác</i>	<i>42.987.680</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- <i>Phải thu về về hàng ủy thác xuất khẩu</i>	<i>4.437.450.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>69.120.072.767</i>	<i>-</i>	<i>51.743.954.903</i>	<i>-</i>
Bà Lưu Ngô Phương Quỳnh - Phải thu công nợ cước tàu	16.344.824.811	-	-	-
Tạm ứng	49.356.396.443	-	47.868.843.164	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.016.000	-	1.000.000	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi dự thu	618.685.753	-	432.473.423	-
Thuế thu nhập cá nhân còn phải thu	699.310.727	-	600.911.804	-
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chờ kê khai	135.896.832	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.948.942.201	-	2.840.726.512	-
Cộng	73.665.409.469	-	51.743.954.903	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.740.718.503	-	10.730.852.003	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	80.852.003	-	80.852.003	-
- Quỹ Bảo vệ Môi trường Tỉnh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	9.866.500	-	-	-
Cộng	10.740.718.503	-	10.730.852.003	-

(i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.

(ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.

(iii) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila						
- Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Trả trước người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	127.403.230	-
Cộng		1.916.920.239	-		1.916.920.239	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.916.920.239	1.916.920.239
Số cuối năm	1.916.920.239	1.916.920.239

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.571.671.945	-	24.494.313.428	-
Công cụ, dụng cụ	284.656.945	-	265.103.794	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	1.070.925.835	-
Thành phẩm	176.765.702.394	-	178.001.697.801	-
Hàng hóa	215.980.340	-	171.963.066	-
Cộng	197.838.011.624	-	204.004.003.924	-

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	20.571.671.945	13.325.875.731
Công cụ, dụng cụ	284.656.945	165.785.702
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	176.765.702.394	124.693.111.899
Hàng hóa	215.980.340	171.963.066
Cộng	197.838.011.624	138.356.736.398

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.892.734.619	1.037.577.505
Chi phí bảo hiểm	709.918.384	665.552.461
Chi phí sửa chữa	20.308.255	118.737.499
Cộng	2.622.961.258	1.821.867.465

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	6.068.021.767	9.148.404.983
Chi phí mua vùng nuôi tôm	13.552.244.131	13.886.867.444
Chi phí công cụ dụng cụ	12.200.852.868	17.876.953.015
Chi phí sửa chữa	2.643.036.515	5.066.751.449
Chi phí đền bù	420.000.000	450.000.000
Chi phí khác	524.997.535	245.696.992
Cộng	35.409.152.816	46.674.673.883

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	198.063.539.194	223.605.739.060	45.462.458.996	849.742.091	1.492.050.000	469.473.529.341
Mua trong năm	1.319.093.481	9.060.797.220	1.267.941.852	111.111.111	-	11.758.943.664
Đầu tư xây dựng hoàn thành	56.324.024.424	352.000.000	-	-	-	56.676.024.424
Điều chỉnh khác	6.913.028.870	4.799.495.472	-	-	-	11.712.524.342
Thanh lý, nhượng bán	(1.034.434.290)	(27.635.515.660)	(40.757.000)	-	-	(28.710.706.950)
Số cuối năm	261.585.251.679	210.182.516.092	46.689.643.848	960.853.202	1.492.050.000	520.910.314.821

Trong đó:

Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng

Chờ thanh lý

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	46.277.541.890	127.624.951.251	24.293.711.160	564.890.252	167.702.499	198.928.797.052
Khấu hao trong năm	19.537.935.994	17.788.502.871	3.667.699.045	93.835.306	149.205.000	41.237.178.216
Điều chỉnh khác	6.913.028.870	4.799.495.472	-	-	-	11.712.524.342
Thanh lý, nhượng bán	(934.239.180)	(26.316.430.509)	(40.757.000)	-	-	(27.291.426.689)
Số cuối năm	71.794.267.574	123.896.519.085	27.920.653.205	658.725.558	316.907.499	224.587.072.921

Giá trị còn lại

Số đầu năm	151.785.997.304	95.980.787.809	21.168.747.836	284.851.839	1.324.347.501	270.544.732.289
Số cuối năm	189.790.984.105	86.285.997.007	18.768.990.643	302.127.644	1.175.142.501	296.323.241.900

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 119.719.471.366 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.374.524.338	412.000.000	15.786.524.338
Điều chỉnh khác	82.413.038	-	82.413.038
Số cuối năm	15.456.937.376	412.000.000	15.868.937.376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	222.000.000	222.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.925.673.798	327.500.000	2.253.173.798
Khấu hao trong năm	273.740.703	38.000.000	311.740.703
Số cuối năm	2.199.414.501	365.500.000	2.564.914.501
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.448.850.540	84.500.000	13.533.350.540
Số cuối năm	13.257.522.875	46.500.000	13.304.022.875
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	158.540.372.200	49.479.119.519	(40.177.719.182)	(8.801.881.542)	159.039.890.995
- Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17	109.676.516.167	44.625.853.795	-	(26.175.000)	154.276.194.962
- Các dự án khác	48.863.856.033	4.853.265.724	(40.177.719.182)	(8.775.706.542)	4.763.696.033
Sửa chữa lớn tài sản cố định	134.605.877	34.865.624.612	(16.498.305.242)	(352.424.082)	18.149.501.165
Cộng	158.674.978.077	84.344.744.131	(56.676.024.424)	(9.154.305.624)	177.189.392.160

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến lãi nội bộ chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.370.609	801.288.960
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(3.370.609)	(797.918.351)
Số cuối năm	-	3.370.609

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ - Chi phí lãi vay năm 2022 ⁽ⁱ⁾	10.787.293.024	-
Lỗi tính thuế năm 2022 ⁽ⁱⁱ⁾	27.830.872.889	-
Cộng	38.618.165.913	-

(i) Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

(ii) Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	161.052.909.580	127.117.373.373
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	108.191.734.722	75.298.798.757
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	52.857.822.858	51.818.574.616
Công ty Cổ phần Onsen	3.352.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	15.820.802.888	32.381.271.228
Các nhà cung cấp khác	15.820.802.888	32.381.271.228
Cộng	176.873.712.468	159.498.644.601

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Ally Sphere Food Corp.	1.435.511.135	-
Các khách hàng khác	318.088.000	656.297.435
Cộng	1.753.599.135	656.297.435

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Giảm khác	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	913.815.481	(913.815.481)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.453.169.778	-	-	-	-	1.453.169.778
Thuế thu nhập cá nhân	19.887.401	-	3.298.600.920	(3.179.409.516)	-	139.078.805	-
Thuế tài nguyên	2.566.080	-	115.097.760	(113.251.200)	-	4.412.640	-
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	62.268.375	(62.268.375)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	5.006.051.500	(5.298.200)	(12.871.218.600)	-	7.870.465.300
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	72.884.500	(72.884.500)	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	11.000.000	(11.000.000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	17.314.087	(16.114.087)	-	1.200.000	-
Cộng	22.453.481	1.453.169.778	9.497.032.623	(4.374.041.359)	(12.871.218.600)	144.691.445	9.323.635.078

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Từ tháng 2/2022, thuế suất thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng/dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các Công ty áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000284 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế, được áp dụng trong 15 năm kể từ năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty hoạt động tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thu nhập từ chế biến thủy sản được miễn thuế theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với mức thuế suất 8%, giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ tại tỉnh Khánh Hòa; tại tỉnh Kiên Giang giá tính thuế là 6.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Theo Công văn số 3530/CTKHH-HKDCN ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Cục thuế Tỉnh Khánh Hòa, Công ty được xử lý thoái thu số tiền nộp một lần cho cả thời gian thuê đất đối với dự án Công viên bờ biển Bãi Dương, theo đó số tiền thuê đất nộp thừa sẽ được bù trừ với tiền thuê đất phát sinh phát sinh ở các kỳ kế tiếp hoặc hoàn tiền theo quy định.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	38.575.342	-
Ông Ngô Văn Ích - Lãi vay phải trả	38.575.342	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.160.148.593	6.548.539.295
Lãi vay phải trả	975.147.312	730.234.709
Chi phí hoa hồng môi giới	1.797.900.253	3.386.353.503
Chi phí phải trả khác	2.387.101.028	2.431.951.083
Cộng	5.198.723.935	6.548.539.295

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**18. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>143.132.055</i>	<i>1.500.000.000</i>
Ông Ngô Văn Ích – Vốn điều lệ góp vượt	-	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang - Lãi vay phải trả	99.879.452	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF - Lãi vay phải trả	43.252.603	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.616.034.146</i>	<i>5.577.818.394</i>
Kinh phí công đoàn	4.331.287.913	4.281.007.363
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	612.565	19.279.485
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.283.475	360.283.475
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	336.588.420	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.587.261.773	917.248.071
Cộng	<u>6.759.166.201</u>	<u>7.077.818.394</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả ngắn hạn khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	340.609.327.828	296.084.028.550
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	178.324.742.134	311.205.853.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	26.679.828.840	96.060.875.625
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương – Chi nhánh Nha Trang ^(iv)	2.170.862.553	17.502.171.924
Cộng	<u>547.784.761.355</u>	<u>720.852.930.049</u>

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được đảm bảo bằng việc thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cạn - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2011/HĐTC ngày 16/11/2011 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2011/HĐTC ngày 16/11/2011, số 03/2015/2902985/HĐBĐ ngày 06/04/2015, số 01/2015/2902985/HĐBĐ ngày 12/10/2015.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 100.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo thanh toán bằng:
 - + Thế chấp toàn bộ hàng tồn kho và quản lý thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Khu cảng cá Tắc Cạn - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang, các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng (xem thuyết minh số V.2, V.3);
 - + Bên thứ 3 là ông Ngô Văn Ích đã cầm cố tài sản của mình là 1.000.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

(iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại dương - CN Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng/giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	720.852.930.049
Số tiền vay trong năm	1.530.536.992.806
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.696.922.987.647)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	(6.682.173.853)
Số cuối năm	547.784.761.355

19b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các bên liên quan	133.700.000.000	24.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(v)	24.000.000.000	24.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ^(vi)	69.700.000.000	-
Vay Ông Ngô Văn Ích ^(vi)	40.000.000.000	-
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	300.000.000	-
Vay dài hạn các cá nhân khác ^(vi)	300.000.000	-
Cộng	134.000.000.000	24.000.000.000

Tập đoàn có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

- (v) Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Green World Nha Trang để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17 với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (vi) Các khoản vay dài hạn để đầu tư xây dựng dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood - F17 với lãi suất 8,8%-9,5%/năm, thời hạn vay 36 tháng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn là từ 1 năm đến 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn bên liên quan	24.000.000.000	109.700.000.000	133.700.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác	-	300.000.000	300.000.000
Cộng	24.000.000.000	110.000.000.000	134.000.000.000

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	10.240.625.491	(1.786.069.000)	8.454.556.491
Quỹ phúc lợi	5.436.333.293	(1.247.056.274)	4.189.277.019
Cộng	15.676.958.784	(3.033.125.274)	12.643.833.510

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.000.000.000	21.815.378.618	508.062.922.493	170.530.897.225	899.409.198.336
Góp vốn trong năm trước	-	-	-	28.000.000.000	28.000.000.000
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(19.927.769.000)	-	(19.927.769.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	24.870.414.401	23.024.859.950	47.895.274.351
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	(11.333.670.197)	(2.102.292.989)	(13.435.963.186)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(174.755.100)	(407.276.322)	582.031.422	-
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	(174.017.600.326)	(174.017.600.326)
Số dư cuối năm trước	199.000.000.000	21.640.623.518	501.264.621.375	46.017.895.282	767.923.140.175
Số dư đầu năm nay	199.000.000.000	21.640.623.518	501.264.621.375	46.017.895.282	767.923.140.175
Giảm vốn điều lệ do hoán đổi cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018	(11.000.000.000)	-	11.000.000.000	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2018	-	-	(11.000.000.000)	-	(11.000.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(20.207.769.000)	-	(20.207.769.000)
Chi thù lao Hội đồng quản trị năm 2019	-	-	(325.603.680)	-	(325.603.680)
Tặng/giảm khác	-	(1.747.565.489)	1.746.910.537	654.952	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	(33.756.314.771)	(5.901.364.141)	(39.657.678.912)
Số dư cuối năm nay	188.000.000.000	19.893.058.029	448.721.844.461	40.117.186.093	696.732.088.583

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/NQ-DHDCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2022 đã thông qua việc hoán đổi giữa số cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018 bằng chi cổ tức cho số cổ phiếu này bằng tiền mặt trong năm 2022 và giảm vốn điều lệ. Cổ phiếu thưởng đã chia trong năm 2018 tương ứng 11.000.000.000 VND.

Thực hiện Nghị quyết nêu trên, Công ty đã giảm vốn điều lệ 11.000.000.000 VND. Ngày 02 tháng 6 năm 2022 Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 về việc giảm vốn điều lệ xuống còn 188.000.000.000 VND.

Chi tiết vốn điều lệ theo các cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Ngô Văn Ích	62.219.050.000	64.484.680.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	37.209.940.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	69.771.010.000	75.144.790.000
Cộng	188.000.000.000	199.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	18.800.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	19.900.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Như trình bày tại thuyết minh số V.21a, Công ty đã hoán đổi giữa số cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018 bằng chi cổ tức cho số cổ phiếu này bằng tiền mặt trong năm 2022 và giảm vốn điều lệ. Cổ phiếu thưởng đã chia trong năm 2018 tương ứng 11.000.000.000 VND. Công ty đã chi số cổ tức này cho cổ đông.

Ngoài ra, trong năm Công ty còn chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước cho các cổ đông với số tiền 20.207.769.000 VND theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc chi trả cổ tức và Nghị quyết số 174/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 4 năm 2022. Số cổ tức đã chi này nằm trong tổng mức chi trả cổ tức dự kiến trong năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/DHDCĐ-F17 ngày 23 tháng 4 năm 2022.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền chỉ có 2.322.595,06 USD (số đầu năm là 4.612.109,46 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	3.722.797.955	1.953.038.494
Doanh thu thành phẩm chế biến thủy sản	1.574.021.979.685	2.559.420.740.713
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	20.972.327.165	6.816.143.410
Cộng	1.598.717.104.805	2.568.189.922.617

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	5.785.321.917	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	174.550.586	-
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	1.703.416.510	-
Doanh thu bán thành phẩm ủy thác	3.572.726.850	-
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	537.747.336	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17		
Doanh thu bán thành phẩm	96.458.910	35.462.181
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF		
Doanh thu bán hàng hóa	28.496.464	21.818.182
Công ty Cổ phần Onsen		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	57.266.007	21.818.182
Doanh thu bán hàng	12.500.000	-
Doanh thu dịch vụ khác	10.678.864	95.641.418
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	16.363.638	30.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	3.611.443.245	1.641.945.125
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.543.465	20.451.119
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	4.635.992.533	19.118.983.520
Doanh thu bán hàng, bán vật tư	41.598.568.933	10.482.807.139
Doanh thu thành phẩm ủy thác xuất khẩu	13.242.600.492	47.510.861.695
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Doanh thu bán thành phẩm	2.970.000	15.082.562
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	281.046.423	309.119.264

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	667.488.766	-
Hàng bán bị trả lại	34.346.712.791	4.379.561.115
Cộng	35.014.201.557	4.379.561.115

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	3.698.720.948	1.399.934.477
Giá vốn của thành phẩm thủy sản đã bán	1.409.850.543.030	2.300.105.470.313
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	7.969.027.736	2.484.433.760
Cộng	1.421.518.291.714	2.303.989.838.550

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.235.890.237	2.462.684.679
Lãi trái phiếu	128.500.000	68.000.000
Cổ tức	24.680.000	2.940.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	59.184.526.459	40.135.885.315
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.784.634.713	-
Chiết khấu thanh toán	1.500.000	54.503.000
Cộng	68.359.731.409	42.724.012.994

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	20.673.012.170	19.192.513.725
Lỗ thoái vốn tại công ty con	-	7.656.591.951
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	64.164.588.172	21.771.840.716
Lỗ CLTG do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	9.991.045.322
Chi phí khác	150.134	9.879
Cộng	84.837.750.476	58.612.001.593

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.892.295.805	7.047.382.911
Chi phí vật liệu công cụ dụng cụ	82.814.415	140.769.326
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.896.919.018	2.404.719.724
Chi phí vận chuyển nội địa	12.504.747.408	15.116.582.228
Chi phí vận chuyển quốc tế	53.904.642.992	56.021.500.102
Chi phí hoa hồng môi giới	6.668.724.455	14.356.824.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.463.255.388	20.959.180.517
Chi phí bằng tiền khác	15.860.824.409	5.127.951.574
Cộng	119.274.223.890	121.174.910.742

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	20.813.874.142	23.520.890.860
Chi phí vật liệu, dụng cụ	153.330.658	843.913.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.242.278.718	3.827.927.551
Thuế, phí và lệ phí	3.785.846.091	4.371.055.370
Chi phí tư vấn pháp lý	3.893.017.800	1.761.657.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.509.487.254	2.092.966.347
Các chi phí khác	11.631.250.704	32.092.137.920
Cộng	45.029.085.367	68.510.549.293

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	197.809.807	22.790.413
Thu nhập bán phế liệu, vật tư thu hồi	327.948.299	159.749.363
Các khoản thu nhập khác	271.562.213	179.182.094
Cộng	797.320.319	361.721.870

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thiệt hại hàng LP trả về năm 2022	1.839.970.893	-
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	9.977.562	502.525.324
Xử lý hàng hủy	-	20.509.863
Các chi phí khác	4.963.377	387.423.608
Cộng	1.854.911.832	910.458.795

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lãi chưa thực hiện của các Công ty trong cùng Tập đoàn.

11. Lãi trên cổ phiếu

11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	(33.756.314.771)	24.870.414.401
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(11.333.670.197)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(33.756.314.771)	13.536.744.204
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.800.000	18.800.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(1.796)	720

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11b. Thông tin khác

Ngày 02 tháng 6 năm 2022 Công ty đã giảm vốn điều lệ do thu hồi cổ phiếu thường đã phát hành năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/ĐHĐCĐ-F17 ngày 23 tháng 4 năm 2022. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước tăng từ 680 VND lên 720 VND.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	908.497.717.024	1.895.732.633.951
Chi phí nhân công	253.345.022.960	279.360.759.885
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.560.981.443	43.035.200.766
Chi phí dịch vụ mua ngoài	141.377.277.127	154.151.698.607
Chi phí khác	61.538.696.062	67.700.303.946
Cộng	1.405.319.694.616	2.439.980.597.155

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ về mua sắm tài sản cố định

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	24.448.802.025	6.697.474.426
Phải trả người bán về mua sắm tài sản cố định	2.569.356.734	1.002.489.723

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Ngô Văn Ích – Nguyên Giám đốc		
Công ty trả tiền góp vốn thừa	1.500.000.000	-
Công ty vay tiền	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	38.575.342	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	56.460.000.000

Ông Huỳnh Long Quân – Phó Giám đốc kiêm**Thành viên Hội đồng quản trị**

Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	9.500.000.000
--	---	---------------

Cam kết bảo lãnh

Ông Nguyễn Văn Ích – Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị đã cầm cố tài sản của mình để đảm bảo cho cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 10 tỷ VND (xem thuyết minh số V.19).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.17, V.18 và V.19.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm như sau:

	<u>Chức danh</u>	<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay				
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Giám đốc	-	46.528.766	46.528.766
Ông Ngô Văn Ích	Nguyên Giám đốc	540.402.000	139.488.616	679.890.616
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	536.478.000	46.528.766	583.006.766
Bà Ngô Anh Phương Lan	Ủy viên Hội đồng quản trị	297.107.000	46.528.766	343.635.766
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	46.528.766	46.528.766
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên ban kiểm soát	340.035.000	-	340.035.000
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên ban kiểm soát	328.046.000	-	328.046.000
Cộng		2.042.068.000	325.603.680	2.367.671.680
Năm trước				
Ông Ngô Văn Ích	Nguyên Giám đốc	574.301.000	-	574.301.000
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	560.677.000	-	560.677.000
Bà Ngô Anh Phương Lan	Ủy viên Hội đồng quản trị	226.230.000	-	226.230.000
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên ban kiểm soát	374.500.000	-	374.500.000
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên ban kiểm soát	316.126.000	-	316.126.000
Cộng		2.051.834.000	-	2.051.834.000

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F.89	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89</i>		
Mua thành phẩm nội địa	96.629.601.732	-
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	332.566.136.700	-
Phí ủy thác xuất khẩu, vận chuyển quốc tế	236.029.099	-
Hàng bán bị trả lại	11.294.134.663	-
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF</i>		
Mua hàng hóa, thành phẩm nội địa	38.062.165.724	42.778.194.915
Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	-	37.000.000.000
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	970.094.531	822.763.057
Phí ủy thác xuất khẩu	125.454.909	197.402.892
Chi phí nhân công	915.920.030	224.768.000
Công ty mua vật tư	-	975.644.000
Chi phí thuê xe	180.000.000	-
Công ty vay tiền	69.700.000.000	-
Chi phí lãi vay	43.252.603	-
<i>Công ty Cổ phần Onsen</i>		
Mua hàng hóa	360.104.442	349.810.224
<i>Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa</i>		
Mua hàng hóa	2.345.455	26.940.910

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	438.121.820	683.122.341
Mua tài sản cố định	-	170.000.000
Mua vật tư	-	-
<i>Công ty Cổ phần Green World Nha Trang</i>		
Phí dịch vụ	25.543.105	641.413.641
Công ty cho vay tiền	-	24.000.000.000
Chi phí lãi vay	1.179.221.917	-
	-	-
<i>Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394</i>		
Nhận lại phần vốn góp	-	20.000.000
Cổ tức	-	2.940.000
	-	-
<i>Công ty Cổ phần In và Thương mại Khánh Hòa</i>		
Chi phí in ấn	800.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.13, V.18 và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy hải sản trong lãnh thổ Việt Nam.

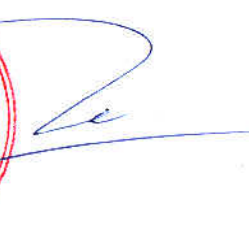
3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nha Trang, ngày 30 tháng 3 năm 2023


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập biểu


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng


Ngô Tuấn Kiệt
Giám đốc

